

**CÔNG TY TNHH VÕ THUẬT THEKING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VÕ THUẬT THEKING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THEKING MARTIAL ART COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THEKING MARTIAL ARTS CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110060587

**3. Ngày thành lập:** 14/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 1-2 Lô B12/D21, khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0822 298 668/0966 876 007

Fax:

Email:

Website: *thekingmuay.vn*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633        |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641        |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299        |
| 5.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8551(Chính) |
| 6.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;<br>- Dạy bay;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559        |
| 7.  | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9311        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Hoạt động thể thao khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các chuồng nuôi ngựa đua, các chuồng nuôi chó và các gara ô tô;<br>- Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao;<br>- Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí.                  | 9319 |
| 9.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                    | 6810 |
| 10. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản ;<br>- Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản                                                                                                    | 6820 |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                            | 4719 |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                              | 4781 |
| 13. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                               | 4791 |
| 14. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510 |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                              | 5610 |
| 16. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                      | 5621 |
| 17. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống;<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng;<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền;<br>- Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp. | 5629 |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                       | 5630 |
| 19. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                    | 4763 |
| 20. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                              | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.600.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                                             | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM VĂN SÁU     | Việt Nam  | Thôn Gạch, Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                                 | 858.000.000           | 33,000    | 037081005603                                                                                            |         |
| 2   | BÙI YẾN LY       | Việt Nam  | Thôn Phú Mỹ, Xã Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                                | 884.000.000           | 34,000    | 033195001157                                                                                            |         |
| 3   | NGUYỄN VIỆT LINH | Việt Nam  | Phòng 2106, Tòa nhà OCT5B, Khu ĐTM Cổ Nhuế - Xuân Đình, TDP Viên 1, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 858.000.000           | 33,000    | 025088000451                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN SÁU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/07/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037081005603

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Gạch, Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Gạch, Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội